TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 6 - 2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Như Học.

Bà Huỳnh Ngọc Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 05 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 06 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Trần Ga U, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 05 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày yêu cầu:***

- Về hôn nhân: Năm 2011 qua thời gian tìm hiểu thì bà Nh và ông U kết hôn trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào ngày 16/12/2011 âm lịch nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật do không biết quy định.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2015 vợ, chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bà Nh nghi ngờ lòng chung thủy của ông U, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sau nhiều lần cải vã phải nhờ đến

sự hòa giải của hai bên gia đình nhưng không có kết quả, bà Nh và ông U cảm thấy cuộc hôn nhân này không hạnh phúc và không thể duy trì được nữa nên vào ngày 29/9/2018, bà Nh, ông U lập giấy tay thỏa thuận ly hôn và thống nhất sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nh yêu cầu ly hôn với ông Trần Ga U.

- Về nuôi con chung: Có một con tên Trần Ga H sinh ngày 24/10/2012 (nam), hiện đang sống với bà Nh. Khi ly hôn, bà Nh yêu cầu nuôi dưỡng Ga H, bà Nh yêu cầu ông U phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và công nợ: Bà Nh tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 10/6/2019, bà Nh không yêu cầu ông U phải cấp dưỡng nuôi con, còn các vấn đề khác vẫn bảo lưu theo đơn khởi kiện ban đầu.

**** Tại bản tự khai ngày 10 tháng 06 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án- Bị đơn ông Trần Ga U trình bày:***

- Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn đúng như bà Nh trình bày, ông U và bà Nh kết hôn năm 2011, hôn nhân tự nguyện nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn do không biết quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vào năm 2015 ông U đi làm ăn ở thành phố Bà Rịa – Vũng Tàu được bà Nh đồng ý và hứa hẹn là sẽ lên thành phố Bà Rịa – Vũng Tàu để làm ăn cùng ông. Nhưng sau đó bà Nh không thực hiện lời hứa mà về nhà mẹ ruột sinh sống tại ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Ông U xác định do đi làm ăn nên trong giao tiếp có quen biết nhiều bạn bè chứ không chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Thời gian qua, ông U liên lạc với bà Nh và tìm mọi biện pháp hàn gắn hôn nhân nhiều lần nhưng không có kết quả nên ông U và bà Nh thống nhất ký giấy tay ly hôn với nhau có sự chứng kiến của hai bên gia đình vào ngày 29/9/2018. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên qua yêu cầu ly hôn của bà Nh thì ông U đồng ý ly hôn vì duy trì không hạnh phúc.

- Về nuôi con chung: Có một con chung tên Trần Ga H, sinh ngày 24/10/2012 (nam), hiện đang sống với bà Nh, khi ly hôn ông U yêu cầu nuôi con chung, về cấp dưỡng nuôi con ông U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Ông U tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Nh vẫn bảo lưu quan điểm nêu trên, yêu cầu ly hôn với ông U, yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông U cấp dưỡng cho con, về tài sản chung và công nợ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông U vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Mặc dù tại đơn khởi kiện (về việc xin ly hôn) đề ngày 08 tháng 5 năm 2019, bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu ly hôn với ông Trần Ga U, yêu cầu nuôi con, yêu cầu ông U có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật, tài sản chung và công nợ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại Biên bản hòa giải ngày 10/6/2019 và tại phiên tòa, bà Nh chỉ yêu cầu ly hôn với ông U, yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông U cấp dưỡng cho con, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Xét tranh chấp giữa bà Nh và ông U là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông Trần Ga U có đơn xin vắng mặt các phiên xét xử do đi làm xa, yêu cầu này của ông U là chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Ga U.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Nh và ông Trần Ga U có thời gian tìm hiểu và chung sống trên tinh thần tự nguyện vào năm 2011, có tổ chức đám cưới gã theo phong tục tập quán địa phương nhưng đến nay vẫn không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống giữa bà Nh và ông U xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Bà Nh và ông U đã làm văn bản thỏa thuận ly hôn với nhau và được gia đình hai bên xác nhận ngày 29/9/2018 (âm lịch) và ly thân từ đó đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nh yêu cầu ly hôn với ông U, ông U đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nh và ông U, việc bà Nh và ông U chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên áp dụng khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Nh và ông Trần Ga U.

- Về nuôi con chung: Có một con chung tên Trần Ga H, sinh ngày 24/10/2012 (nam), hiện nay đang sống với bà Nh.

Khi ly hôn, bà Nh và ông U đều yêu cầu nuôi con và không yêu cầu người còn lại có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, yêu cầu này của các đương sự hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên Hội đồng xét xử phải cân nhắc giao con cho ai để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ. Xét thấy kể từ khi các đương sự ly thân đến nay, cháu Ga H luôn sống chung với bà Nh, tại đơn trình bày ý kiến đề ngày 21/5/2019 của cháu H thể hiện: Khi mẹ (bà Nh) và cha (ông U) ly hôn thì cháu H có nguyện vọng sống với mẹ, do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu Trần Ga H cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu (bút lục 28).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Bà Nh và ông U tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự: *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Nguyễn Thị Nh phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nh được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, Điều 220, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Nh và ông Trần Ga U.

2. Về nuôi con chung: Có một con tên Trần Ga H, sinh ngày 24/10/2012 (nam), hiện nay đang sống với bà Nh. Khi ly hôn, giao cháu Trần Ga H cho bà Nguyễn Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, Bà Nh được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016455 ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, bà Nh không phải nộp thêm tiền án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan tiến hành việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền